

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/UBND-BC

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 02 năm 2023

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐẾN Số: 1636.....

Ngày 27 -02- 2023

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây viết tắt là Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg); Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2021/TT-BTP), Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang báo cáo Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

- Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 06 văn bản hướng dẫn về các Bộ tiêu chí Nông thôn mới, trong đó có nội dung thực hiện tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật¹.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 22/11/2021 triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Sở Tư pháp ban hành văn bản số 1249/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 13/10/2022, hướng dẫn UBND huyện, thành phố xây dựng mô hình điển hình về

¹ Gồm: (1) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025; (2) Kế hoạch của UBND tỉnh tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Tuyên Quang chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021-2025; (3) Quyết định của UBND tỉnh về "Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới và Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025"; (4) Quyết định UBND tỉnh ban hành Tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025; (5) Kế hoạch của UBND tỉnh về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022; (6) Công văn của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022.

phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở. Biên soạn **02** bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện Quyết định 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, in **1.000** cuốn cung cấp cho UBND cấp huyện, UBND cấp xã và đăng tải trên Trang thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, gửi đến **174** cơ quan, đơn vị, cá nhân để thực hiện.

- UBND cấp huyện ban hành 21 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổ chức **06** Hội nghị triển khai, tập huấn nghiệp vụ cho **234** người; tổ chức truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở với **2.787** lần phát sóng.

2. Công tác thông tin, truyền thông, tập huấn

- Sở Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác chuẩn tiếp cận pháp luật cho **216** công chức Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã; hướng dẫn sử dụng **02** bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện Quyết định 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao; biên soạn **05** loại Tờ gấp, in **36.000** bản, cung cấp cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 và năm 2022, đăng tải trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, Trang thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật Tuyên Quang, Fanpage Phổ biến, giáo dục pháp luật Tuyên Quang.

- Đăng tải danh sách xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp.

3. Công tác kiểm tra, triển khai giải pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 129/QĐ-STP ngày 01/8/2022 ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác tư pháp năm 2022; thực hiện kiểm tra qua báo cáo của các cơ quan, đơn vị và tổ chức kiểm tra trực tiếp việc thực hiện công tác tư pháp nói chung và việc thực hiện công tác cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói riêng tại UBND 02 huyện (*Na Hang, Yên Sơn*) và UBND 04 xã (*xã Lang Quán, Nhữ Hán, huyện Yên Sơn; xã Năng Khả, Thanh Tương, huyện Na Hang*). Qua kiểm tra, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh đã kịp thời triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 09/2021/TT-BTP và

các văn bản hướng dẫn thực hiện cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đối với những vướng mắc trong quá trình thực hiện đã được Sở Tư pháp giải đáp trong quá trình kiểm tra và tập huấn nghiệp vụ.

4. Bố trí nguồn lực thực hiện

- Ủy ban nhân dân 07/07 huyện, thành phố và 138/138 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã bố trí công chức trực tiếp phụ trách theo dõi việc thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; phân công công chức các phòng, ban, bộ phận chuyên môn theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí thành phần.

- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 90.400.000 kinh phí thực hiện cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

5. Kết quả tổ chức đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã thực hiện đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo đúng quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP. UBND 07 huyện, thành phố đã thành lập Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; thực hiện xét, trình Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Kết quả, có **131** xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; **07** xã, phường, thị trấn không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, chiếm 5,1%² (có biểu chi tiết gửi kèm theo).

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Thuận lợi

- Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đặc biệt quan tâm đến việc ban hành thể chế để thực hiện chỉ tiêu xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao. UBND tỉnh kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá cấp xã đạt chuẩn pháp luật được quy định rõ ràng, sát với việc thực hiện ở cơ sở; cách tính điểm được hướng dẫn cụ thể nên thuận tiện khi thực hiện.

- Sở Tư pháp đã thực hiện tốt vai trò tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản

² Huyện Chiêm Hoá 03/24 xã không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; huyện Hàm Yên 02/18 xã không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phố Tuyên Quang 02/15 xã, phường không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

hướng dẫn, triển khai thực hiện; kịp thời xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức tập huấn cho đội ngũ công chức tham mưu thực hiện công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, cấp xã; tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn cơ sở thực hiện.

- UBND cấp huyện, cấp xã đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, công bằng, đúng quy định pháp luật.

2. Khó khăn, hạn chế

Số lượng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận năm 2022 giảm so 02 xã với năm 2021 (năm 2021 có 133 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, năm 2022 có 131 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bằng 98,4%).

3. Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế

Do năng lực, trình độ, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ của một số cán bộ, công chức cấp xã còn hạn chế, còn có vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị xử lý kỷ luật hành chính, nên không đủ điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật³.

III. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2023

1. Mục tiêu thực hiện

- Thực hiện có hiệu quả các Tiêu chí xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh góp phần tăng cường dân chủ ở cơ sở, vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tăng tỷ lệ số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật so với năm 2022.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

- Sở Tư pháp tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho công chức thực hiện công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện.

- Sở Nội vụ tham mưu các giải pháp nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

³ Có 07 cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiếp tục có giải pháp thực hiện có hiệu quả các tiêu chí tiếp cận pháp luật; đối với những tiêu chí số điểm đạt được thấp cần có biện pháp cụ thể để khắc phục, nâng cao điểm số trong năm 2023.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có.

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL;
- Lưu: VT, NC.

Báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Việt Phương



DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 23/BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I								
HUYỆN LÂM BÌNH								
1	Thị trấn Lãng Can	96	10	29	12	20	25	
2	Xã Khuôn Hà	96	10	26	15	20	25	
3	Xã Xuân Lập	96	10	30	11	20	25	
4	Xã Minh Quang	95	10	30	15	20	20	
5	Xã Thượng Lâm	93	10	27	12	20	24	
6	Xã Bình An	92	10	28	14	20	20	
7	Xã Thổ Bình	88	10	25	15	18	20	
8	Xã Phúc Sơn	88	10	25	15	18	20	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
9	Xã Phúc Yên	84	9	22,5	14	15	23,5	
10	Xã Hồng Quang	84	10	24	14	11	25	
HUYỆN NA HANG								
1	Xã Năng Khả	97	10	27	15	20	25	
2	Thị trấn Na Hang	90	10	26	14	16	24	
3	Xã Sinh Long	88	10	25	13	20	20	
4	Xã Sơn Phú	87	9	23	13	17	25	
5	Xã Thanh Tương	91	10	27	14	16	24	
6	Xã Yên Hoa	91	10	25	14	17	25	
7	Xã Côn Lôn	91	10	24	13	20	24	
8	Xã Thượng Nông	90	10	25	14	16	25	
9	Xã Khâu Tinh	89,5	10	25	14	16	24,5	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
10	Xã Thượng Giáp	88,75	10	25	12,75	16	25	
11	Xã Đà Vị	81,25	10	24	11,25	16	20	
12	Xã Hồng Thái	91	10	25	14	17	25	
III HUYỆN CHIÊM HÓA								
1	Thị trấn Vĩnh Lộc	94	10	24	15	20	25	
2	Xã Kim Bình	94	10	24	15	20	25	
3	Xã Vĩnh Quang	93	10	24	14	20	25	
4	Xã Phú Bình	93	10	24	15	19	25	
5	Xã Yên Lập	93	10	24	15	19	25	
6	Xã Yên Nguyễn	93	10	24	15	19	25	
7	Xã Linh Phú	92	10	24	15	18	25	
8	Xã Phúc Thịnh	92	10	24	15	18	25	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
9	Xã Hòa An	89	10	24	14	16	25	
10	Xã Hòa Phú	90	10	24	14	17	25	
11	Xã Trung Hà	90	10	21	14	20	25	
12	Xã Trung Hòa	89	10	24	13	17	25	
13	Xã Hà Lang	89	10	24	13	17	25	
14	Xã Ngọc Hội	89	10	24	13	17	25	
15	Xã Kiên Đài	89	10	24	15	20	20	
16	Xã Nhân Lý	89	10	24	15	20	20	
17	Xã Tân Thịnh	88	10	24	13	16	25	
18	Xã Hùng Mỹ	89	10	24	13	17	25	
19	Xã Tân Mỹ	87	10	24	14	16	23	
20	Xã Bình Phú	85	10	20	11	19	25	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
21	Xã Bình Nhân	84	10	24	15	16	19	
HUYỆN YÊN SƠN								
1	Thị trấn Yên Sơn	90,5	10	25	10,5	20	25	
2	Xã Thái Bình	97	10	27	15	20	25	
3	Xã Trung Môn	95	10	26	14	20	25	
4	Xã Tân Long	94,75	10	30	14,75	15	25	
5	Xã Tứ Quận	94	10	25	14	20	25	
6	Xã Phúc Ninh	93,5	10	25,5	13,5	20	24,5	
7	Xã Nhữ Khê	93	10	24,5	14	20	24,5	
8	Xã Đội Bình	92	10	24,5	13	20	24,5	
9	Xã Chiêu Yên	92	10	23	14	20	25	
10	Xã Trung Minh	92	10	27	15	20	20	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
11	Xã Mỹ Bằng	91	10	23	13	20	25	
12	Xã Tiến Bộ	91	10	23	13	20	25	
13	Xã Phú Thịnh	91,5	10	27	13	17	24,5	
14	Xã Nhữ Hán	90,5	10	20,5	15	20	25	
15	Xã Chân Sơn	90,5	10	25	10,5	20	25	
16	Xã Hùng Lợi	90,25	10	27	12,25	17	24	
17	Xã Kim Quan	90	10	20	15	20	25	
18	Xã Lục Hành	89	10	21	15	18	25	
19	Xã Đạo Viện	90	10	20	15	20	25	
20	Xã Hoàng Khai	87	10	24	15	20	18	
21	Xã Quý Quán	86	10	21	14	16	25	
22	Xã Lang Quán	86	10	23	14	20	19	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
23	Xã Trung Sơn	85,25	10	27	12,25	17	19	
24	Xã Trung Trực	85	10	21	14	16	24	
25	Xã Kiến Thiết	85	10	22	13	20	20	
26	Xã Tân Tiến	73	9	21	13	20	10	
27	Xã Công Đa	82	10	21	14	17	20	
28	Xã Xuân Vân	80,75	10	20	11,75	20	19	
HUYỆN SƠN DƯƠNG								
1	TT. Sơn Dương	95,5	10	28	14	20	23,5	
2	Xã Thiện Kế	98,5	10	30	14	20	24,5	
3	Xã Chi Thiết	97	10	27	15	20	25	
4	Xã Văn Phú	97	10	28	14	20	25	
5	Xã Trường Sinh	97	10	28	14	20	25	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
6	Xã Hồng Lạc	97	10	28	14	20	25	
7	Xã Bình Yên	97	10	28	15	19	25	
8	Xã Lương Thiện	85	10	30	11,75	20	25	
9	Xã Vân Sơn	96	10	27	14	20	25	
10	Xã Cáp Tiên	96	10	28	14	19	25	
11	Xã Kháng Nhật	95,5	10	29,5	14	17	25	
12	Xã Tân Thanh	95,5	10	26,5	14	20	25	
13	Xã Thượng Âm	95	10	28	15	17	25	
14	Xã Phúc Ứng	95	10	28	15	17	25	
15	Xã Tân Trào	94,5	10	29,5	15,00	15,00	25,00	
16	Xã Vĩnh Lợi	93,5	10	26,5	14	18	25	
17	Xã Minh Thanh	94	10	28	14	17	25	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
18	Xã Hợp Hòa	94	10	30	14	20	20	
19	Xã Hào Phú	94	10	28	14	17	25	
20	Xã Trung Yên	93	10	27	13	18	25	
21	Xã Ninh Lai	93	10	28	13	17	25	
22	Xã Đông Lợi	91,5	10	27,5	14	20	20	
23	Xã Đông Quý	92	10	23	15	19	25	
24	Xã Phú Lương	91,75	10	25	11,75	20	25	
25	Xã Tú Thịnh	92	10	28	12	17	25	
26	Xã Đông Thọ	90	10	30	12	19	19	
27	Xã Tam Đa	90	10	21	15	19	25	
28	Xã Quyết Thắng	89	10	22	13	19	25	
29	Xã Đại Phú	88	10	30	14	20	14	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
30	Xã Hợp Thành	86,75	10	28	11,75	17	20	
31	Xã Sơn Nam	83	9	28	12	20	14	
VII	THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG							
1	Phường Hưng Thành	98	10	28	15	20	25	
2	Phường Phan Thiết	95,5	10	29	11,5	20	25	
3	Phường Tân Hà	95	10	30	13	17	25	
4	Phường Minh Xuân	95	10	26	14	20	25	
5	Phường Ý La	95	10	30	13	17	25	
6	Phường Nông Tiến	94,5	10	26,5	13	20	25	
7	Phường An Tường	93	10	27	11	20	25	
8	Phường Tân Quang	89	10	26	14	20	19	
9	Phường Đội Cấn	84	10	24	13	20	17	

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
10	Xã Tràng Đà	95	10	30	13	17	25	
11	Xã An Khang	94	10	25	14	20	25	
12	Xã Lương Vượng	93	10	26	12	20	25	
13	Xã Thái Long	89,5	10	28	11,5	20	20	

VIII

HUYỆN HÀM YÊN

1	Thị trấn Tân Yên	87,75	10	24,75	14	15	24	
2	Xã Bình Xa	94	10	27	15	17	25	
3	Xã Minh Khương	94	10	25	14	20	25	
4	Xã Tân Thành	91,5	9	29	10,5	19	24	
5	Xã Thành Long	91	10	24	15	17	25	
6	Xã Yên Lâm	90,5	10	23,5	15	17	25	

DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 23/BC-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

STT	TÊN XÃ, PHƯỜNG	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú	
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5		
1	2	3	4	5	6	7	8	10	
I THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG									
1	Phường Mỹ Lâm	83	10	25	15	19	14		Bí thư Đảng uỷ kiêm Chủ tịch UBND phường bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ
2	Xã Kim Phú	80	10	25	12	20	13		Chủ tịch UBND xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ
II HUYỆN HÀM YÊN									
1	Xã Phù Lưu	82	10	21,5	13	19	18		Bí thư Đảng uỷ xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ
2	Xã Thái Sơn	79	10	21,5	13	16	18		Chủ tịch UBND xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ
III HUYỆN CHIÊM HÒA									
1	Xã Xuân Quang	86	10	24	12	20	20		Chủ tịch UBND xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ
2	Xã Trí Phú	83	10	21	15	17	20		Bí thư Đảng uỷ xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ
3	Xã Tân An	80	10	24	15	17	14		Chủ tịch UBND xã bị truy cứu trách nhiệm hình sự